



(Theo mẫu tại phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
VÀ PHÁT TRIỂN XANH
NĂM 2020**



LOGISTICS

Hải Phòng, tháng 04 năm 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201768923
- Vốn điều lệ: 121.200.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 121.200.000.000 đồng
- Địa chỉ: Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.2838666 – Số fax: 0225.2838689
- Website: www.greenicd.com.vn
- Mã cổ phiếu: GIC
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được thành lập ngày 24/01/2017 với vốn điều lệ 101.000.000.000 đồng, trong đó Công ty cổ phần Container Việt Nam góp vốn 67.000.000.000 đồng, tương đương với 66,3% vốn điều lệ, còn lại là một số cổ đông cá nhân.

Công ty được hình thành và phát triển với sự kế thừa về nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm và mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm từ công ty TNHH MTV Bến Xanh (công ty 100% vốn của CTCP Container Việt Nam - Viconship) với lĩnh vực cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa, vệ sinh container... Với khách hàng hãng tàu truyền thống và đội ngũ CBNV với kinh nghiệm quản lý, khai thác kho bãi lâu năm, ngay khi dự án xây dựng bãi container của công ty hoàn thành từng phần hạng mục và đi vào hoạt động từ tháng 7/2017, công ty đã nhanh chóng cung cấp dịch vụ cho khách hàng truyền thống, liên tục tăng trưởng doanh thu và có lợi nhuận ngay từ năm tài chính đầu tiên. Công ty không ngừng đầu tư trang thiết bị chuyên dùng hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại Việt Nam và khu vực...

Năm 2018, để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 121.200.000.000 đồng

Ngày 06/04/2020 Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2268/UBCK-GSDC về việc đăng ký đại chúng của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh

Ngày 26/06/2020 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 43/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 12.120.000 cổ phần.

Ngày 22/10/2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Quyết định Niêm yết số 577/QĐ-SGDHN cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 06/11/2020 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán GIC.

- Các sự kiện khác:



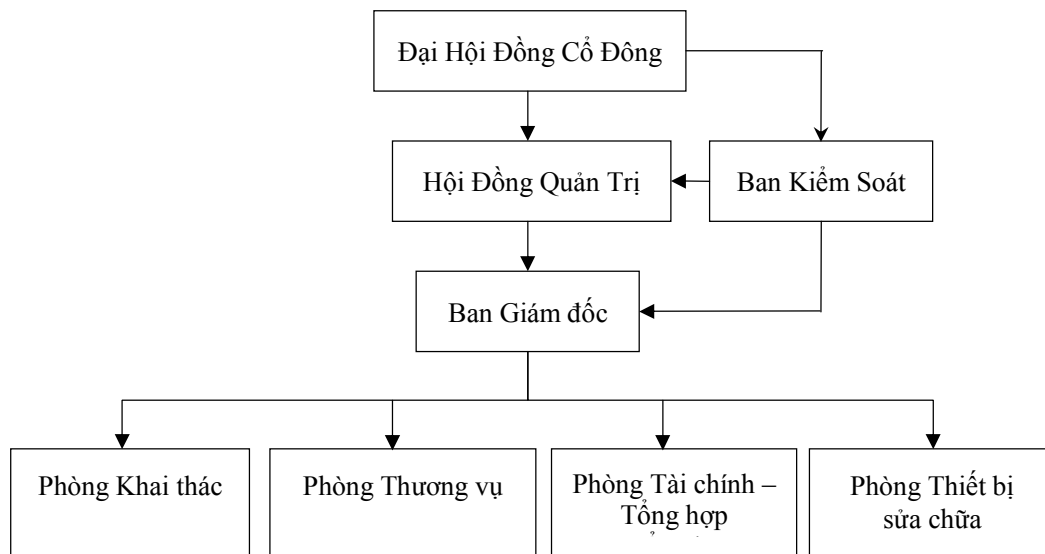
Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi bổ sung lần thứ 03 vào ngày 01 tháng 12 năm 2020 với mã số doanh nghiệp: 0201768923.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Khai thác bãi
 - + Sửa chữa container
- Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chính tại Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.



4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phấn đấu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách



nhệm với môi trường, xã hội và cộng đồng luôn song hành và gắn liền với hệ thống quản lý, văn hóa của Công ty.

5. Các rủi ro:

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu. Thị trường vận tải biển không ổn định, các hãng tàu lớn kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo và chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đạt được những kết quả rất khả quan trong sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu đạt 189,068 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 42,528 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 3.303 đồng.

Hoạt động khai thác bãi vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2020	Năm 2019	Tỷ lệ
Doanh thu	189,068	186	101,65%	189,068	201,112	94,01%
Lợi nhuận trước thuế	42,528	38	111,92%	42,528	42,666	99,67%

Doanh thu đạt 189,068 tỷ đồng, tăng 1,65% so với kế hoạch năm 2020 ĐHCĐ giao và bằng 94,01% so với thực hiện năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế đạt 42,528 tỷ đồng, tăng 11,92 % so với kế hoạch năm 2020 ĐHCĐ giao và bằng 99,67% so với thực hiện năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	0,12% Vốn điều lệ
Ông Trần Ngọc Toàn	Phó giám đốc	0,02% Vốn điều lệ
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Kế toán trưởng	0,16% Vốn điều lệ

Tóm tắt lý lịch:

Ông Đồng Trung Hải – Giám đốc

Ngày sinh: 28/12/1977

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030962452

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Vũ Đoài, Vũ Thư, Thái Bình



b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1,62	1,13	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>	54.187.230.431	43.149.790.456	
<i>Nợ ngắn hạn</i>	33.527.968.638	38.293.208.350	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	0,39	0,19	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,64	0,23	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<i>Giá vốn hàng bán</i>	138.935.854.878	116.509.818.294	
<i>Hàng tồn kho bình quân</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	0,61	0,67	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0,21	0,22	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,18	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,13	0,14	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,21	0,21	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 12.120.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 12.120.000 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 12.120.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 8.122.800 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số lượng CP năm giữ
1	Tổ chức		
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài		
	Tổ chức Việt Nam	66,34	8.040.500
	Cá nhân		



	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	0,73	88.400
	Cá nhân Việt Nam	32,93	3.991.100
2	Trong nước		
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	66,34	8.040.500
	Cá nhân trong nước	32,93	3.991.100
	Nước ngoài		
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	0	0
	Cá nhân nước ngoài	0,73	88.400
3	Phân loại khác		
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	66,34	8.040.000
	Cổ đông Nhà nước	0	0
	Cổ phiếu quỹ	0	0

- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không
d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:
Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 0 cổ phiếu
e. Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi nên ước tính tổng lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp đạt mức độ thấp. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty luôn áp dụng các công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Ngành nghề chính của Công ty là khai thác kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hàng hải, nên nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là điện năng, dầu diesel, dầu mỡ phụ và các vật tư phụ tùng khác. Nguyên vật liệu năm 2020 là: 20,491 tỷ đồng.

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tương đương: rất ít

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng



Lượng nước tiêu thụ chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng, vệ sinh bãi, container. Lượng nước sử dụng năm 2020 tương đương: rất ít

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 145 người. Thu nhập bình quân: 16.500.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2020 Công ty đã thực hiện tốt việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công ty luôn tích cực, chi nhiều tỷ đồng trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, ủng hộ đồng bào bão lụt, ủng hộ chống dịch bệnh Covid-19.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2020 là năm có nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt. Các mảng dịch vụ chính của Công ty có khó khăn, đặc biệt trong giai đoạn nhiều nước áp dụng biện pháp giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Kinh doanh khai thác cảng/ kho/ bãi/ vận tải container đường bộ cung vượt cầu quá lớn...song Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ - nhịp nhàng cả về công tác làm thị trường trong điều kiện “bình thường mới”. Nhìn chung tổng quan kết quả đạt được năm 2020 là sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo; tập thể người lao động vì một mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững của Công ty.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước, Pháp luật về tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu/chi của Công ty và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ.

Công tác làm thị trường được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thích ứng kịp thời trong năm đại dịch COVID-19. Chiến lược làm thị trường trong toàn Công ty được nâng tầm thêm bên cạnh việc “giữ vững khách hàng hiện tại và mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty” đó là “mang thêm các dịch vụ giá trị gia tăng cho Khách hàng – VAS”. Mở rộng tiếp thị sâu rộng đến đối tượng Khách hàng của các Khách hàng. Tiếp tục theo đuổi mục tiêu ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường trong kỷ nguyên công nghệ 4.0. Đây là điểm mới về tiếp thị và làm thị trường của Ban lãnh đạo Công ty trong đại dịch COVID19. Công ty tiếp tục kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

Người lao động được đảm bảo việc làm; thu nhập ổn định. Công tác an sinh xã hội; trách nhiệm với cộng đồng được thực hiện tốt.

Doanh thu đạt 189,068 tỷ đồng, tăng 1,65% so với kế hoạch năm 2020 ĐHCĐ giao và bằng 94,01% so với thực hiện năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế đạt 42,528 tỷ đồng, tăng 11,92 % so với kế hoạch năm 2020 ĐHCĐ giao và bằng 99,67% so với thực hiện năm 2019.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2020, Công ty tiếp tục giữ vững được quá trình tăng trưởng và phát triển.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 332.231.205.915đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 54.455.172.431đồng và tài sản dài hạn là 1277.776.033.48đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 281.991.696.967đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 43.411.306.456đồng và tài sản dài hạn là 238.580.390.511đồng.

Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng phương tiện xếp dỡ. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh. Không có nợ phải thu xấu. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 129.969.459.038 đồng, cuối kỳ là: 51.821.532.602 đồng. Trong đó, khoản vay dài hạn đầu kỳ là: 76.234.082.993đồng, cuối kỳ là: 9.696.296.298 tỷ đồng.

– Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành.

Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của CBCNV, tăng năng suất lao động.

Tổ chức thi thợ giỏi, khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng phần mềm “E-Depot”.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định.

Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới” thông qua việc cùng khách hàng cung cấp các giải pháp “Gói dịch vụ” song song với việc cung cấp thêm “Dịch vụ giá trị gia tăng”.

Kết nối với các đơn vị trong cùng Tập đoàn sâu rộng hơn nữa và không chỉ giới hạn trong phạm vi Công ty.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường nhằm tăng năng suất, chất lượng dịch vụ hơn nữa.

Rà soát nhân sự, tiền lương, quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất.

Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí; triệt để tiết kiệm; đảm bảo kinh doanh có hiệu quả; tỷ lệ cổ tức đạt từ 10% và có tích lũy để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển bền vững Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển xanh coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định. Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- *Tình hình kinh tế thế giới:* Đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã khiến bức tranh kinh tế thế giới năm 2020 hết sức u ám. Các quốc gia đều đang đánh giá đại dịch COVID-19 tác động ra sao đối với kinh tế thế giới. Mặc dù còn có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng tất cả đều thống nhất rằng, kinh tế toàn cầu sau đại dịch sẽ rất khác so với trước đây. IMF chỉ ra rằng, COVID-19 là cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội nghiêm trọng nhất kể từ chiến tranh thế giới thứ hai trở lại đây. Mức độ nghiêm trọng đã vượt xa khủng hoảng tài chính 2008, thậm chí vượt cả Đại suy thoái ở Mỹ vào những năm 1930. Xuất hiện nhiều thiên tai do biến đổi khí hậu, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và cạnh tranh, phòng vệ Thương mại càng ngày càng tăng

- *VIỆT NAM:* Tình hình thị trường vận tải container đường biển/ bộ vẫn cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Các hãng tàu vẫn tìm mọi biện pháp để cắt giảm chi phí, đặc biệt là các hãng tàu có dịch vụ tại khu vực Hải Phòng.

Sự tăng về cung trong các mảng dịch vụ cảng, kho, bãi, vận tải dẫn tới cạnh tranh về giá dịch vụ chưa có điểm dừng.

Sự cạnh tranh khốc liệt và không chuyên nghiệp của các doanh nghiệp cùng ngành nghề tại khu vực hải phòng. Cung đã vượt xa cầu, doanh nghiệp thành lập sau luôn cố gắng lôi kéo khách hàng và phá vỡ mọi luật lệ để được hoạt động dù biết rằng không hiệu quả.

Với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của HĐQT, Ban điều hành và tập thể người lao động, các mặt hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tốt và đúng định hướng. Công ty tiếp tục phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh cao, doanh thu và lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra.

Về vấn đề liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Trách nhiệm môi trường luôn được Công ty coi trọng và đề cao trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, và phúc lợi xã hội. Người lao động trong Công ty được đảm bảo việc làm, tiến bộ và có thu nhập cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, sự bùng phát toàn cầu của dịch bệnh Covid-19, sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn vị cùng ngành nghề, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh rất đáng tự hào, Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty phát triển mảng hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác bãi cốt lõi, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế.



Lựa chọn các hạng mục, dự án đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Hình thức Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các cty khác
1	Nguyễn Thế Trọng	Chủ tịch	0	Thành viên HĐQT	1
2	Hoàng Tiến Lục	Ủy viên	0,099%	Thành viên HĐQT	0
3	Trần Xuân Bạo	Ủy viên	0	Thành viên HĐQT	2
4	Cáp Trọng Cường	Ủy viên	0,099%	Thành viên HĐQT	2
5	Nghiêm Tuấn Anh	Ủy viên	0,099%	Thành viên HĐQT	1
6	Bùi Minh Hưng	Ủy viên	0,099%	Thành viên HĐQT	0
7	Nguyễn Việt Trung	Ủy viên	0,109%	Thành viên HĐQT	3

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Bà Nguyễn Thị Vân An là thư ký HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp định kỳ, bất thường để tổng kết đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh; chỉ đạo, định hướng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn kế tiếp.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tình hình kinh tế thế giới năm 2020 vẫn tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, ngành vận tải biển vẫn gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh Covid-19 bùng phát, áp lực cạnh tranh giữa các cảng, kho bãi, vận tải ngày càng gay gắt, quyết liệt. Đánh giá đúng tình hình, HĐQT cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty đã đoàn kết, tập trung trí tuệ, đề ra những chủ trương chính sách sát với thực tiễn, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2020.

HĐQT Công ty tổ chức nhiều cuộc họp thường kỳ trực tiếp hoặc bằng hình thức qua thư điện tử để đề ra các quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tuân thủ định hướng của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Năm 2020 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2020/QĐ-HĐQT	06/04/2020	Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin



2	01/2020/NQ-HĐQT	19/05/2020	<p>Thông nhất thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2020: 08/06/2020.- Thời gian tổ chức Đại hội: Ngày 20/06/2020- Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường tầng 3 – Tòa nhà văn phòng Công ty – Lô CC2 - KCN MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng- Nội dung thông qua của Đại hội:<ul style="list-style-type: none">+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.+ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.+ Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.+ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.+ Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.+ Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3	02/2020/NQ-HĐQT	17/06/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất thông qua nội dung chương trình, báo cáo và các tờ trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 của Công ty và phân công nhiệm vụ tổ chức ĐHĐCĐ ngày 20/06/2020.- Giao cho Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.
4	02/2020/QĐ-HĐQT	08/07/2020	Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty
5	03/2020/NQ-HĐQT	08/07/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh- Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền cho cổ đông,



			<p>chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 23/07/2020- Ngày đăng ký cuối cùng: 24/07/2020- Thời gian thực hiện: 11/08/2020- Địa điểm thực hiện:<ul style="list-style-type: none">+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng tiền tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng tiền tại trụ sở Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh – Lô CC2 - Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (vào các ngày làm việc trong tuần) bắt đầu từ 11/08/2020 và xuất trình chứng minh nhân dân.
6	04/2020/NQ-HĐQT	25/11/2020	<ul style="list-style-type: none">- Chấm dứt hợp đồng lao động, đồng thời thôi giữ chức vụ Giám đốc - Người đại diện theo Pháp luật của Công ty - đối với ông Hoàng Tiến Lục kể từ ngày 01/12/2020.- Thôi giữ chức vụ Phó giám đốc, đồng thời Bộ nhiệm chức vụ Giám đốc - Người đại diện theo Pháp luật của Công ty - đối với ông Đồng Trung Hải kể từ ngày 01/12/2020 đến 31/03/2021.
7	05/2020/NQ-HĐQT	01/12/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc rà soát và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 để trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.- Thông qua số lượng Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ tiếp theo là 05 Ủy viên để trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.- Bộ nhiệm ông Trần Ngọc Toàn, hiện đang là Trưởng phòng Thiết bị sửa chữa giữ Chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/12/2020 đến 31/03/2021.
8	06/2020/NQ-HĐQT	09/12/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc nhượng bán tài sản cố định là phương tiện xếp dỡ đã qua sử dụng
9	07/2020/NQ-HĐQT	20/12/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc nhượng bán tài sản cố định là phương tiện xếp dỡ đã qua sử dụng



10	08/2020/NQ-HĐQT	23/12/2020	- Thông qua việc nhượng bán tài sản cố định là phương tiện xếp dỡ đã qua sử dụng
----	-----------------	------------	--

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên HĐQT đều tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban	0
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	0
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Ủy viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Ban Kiểm soát Công ty họp 2 lần trong năm với các nội dung chính:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2020, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

- Thực hiện việc giám sát các hoạt động quản lý điều hành Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

- Tham dự một số phiên họp của HĐQT, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

- Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

Trong năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.



3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
Trong năm 2020, thành viên HĐQT và BKS Công ty không nhận tiền thù lao.
Tiền lương, thưởng Ban giám đốc đã chi trong năm 2020 là: 1.109.625.000 đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành. Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về

kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00009-21-1

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã	Thuyết	31/12/2020	1/1/2020
số	minh	VND	VND

TÀI SẢN



	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		43.411.306.456	54.455.172.431
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.435.556.707	28.563.864.067
Tiền	111		8.435.556.707	10.563.864.067
Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.127.327.100	14.636.090.488
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	11.516.140.880	9.383.028.818
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		880.930.000	3.171.872.770
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	730.256.220	2.081.188.900
Hàng tồn kho	140		261.516.000	267.942.000
Hàng tồn kho	141		261.516.000	267.942.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		586.906.649	10.987.275.876
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		586.906.649	510.423.379
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	10.476.852.497
Tài sản dài hạn(200 = 220 + 260)	200		238.580.390.511	277.776.033.484
Tài sản cố định	220		114.165.518.014	149.626.533.743
Tài sản cố định hữu hình	221	7	114.098.444.858	149.195.521.790
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>172.364.482.643</i>	<i>193.813.327.176</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(58.266.037.785)</i>	<i>(44.617.805.386)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	8	67.073.156	431.011.953
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>1.121.382.459</i>	<i>1.121.382.459</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(1.054.309.303)</i>	<i>(690.370.506)</i>
Tài sản dài hạn khác	260		124.414.872.497	128.149.499.741
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	124.414.872.497	128.149.499.741
TỔNG TÀI SẢN(270 = 100 + 200)	270		281.991.696.967	332.231.205.915



	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		51.821.532.602	129.969.459.038
Nợ ngắn hạn	310		42.125.236.304	53.735.376.045
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	12.966.977.836	10.054.115.948
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.168.000	44.301.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.138.919.318	218.311.113
Phải trả người lao động	314		14.377.130.818	17.768.590.982
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	4.965.244.698	3.849.484.925
Phải trả ngắn hạn khác	319		284.649.894	120.084.670
Vay ngắn hạn	320	14	5.540.740.740	20.207.407.407
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	13	1.848.405.000	1.473.080.000
Nợ dài hạn	330		9.696.296.298	76.234.082.993
Vay dài hạn	338	14	9.696.296.298	76.234.082.993
VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)	400		230.170.164.365	202.261.746.877
Vốn chủ sở hữu	410	15	230.170.164.365	202.261.746.877
Vốn cổ phần	411	16	121.200.000.000	121.200.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		121.200.000.000	121.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	18	66.441.746.877	38.395.122.402
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.528.417.488	42.666.624.475
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		42.528.417.488	42.666.624.475
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		281.991.696.967	332.231.205.915

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	19	189.068.911.223	201.112.951.588
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		110.872.724.904	138.935.854.878
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		78.196.186.319	62.177.096.710
Doanh thu hoạt động tài chính	21		738.843.282	1.133.845.162
Chi phí tài chính	22		5.189.081.617	8.656.086.344
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.189.081.617</i>	<i>8.656.086.344</i>
Chi phí bán hàng	25	20	23.507.879.301	7.506.067.132
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.132.455.522	4.585.521.632
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		42.105.613.161	42.563.266.764
Thu nhập khác	31		422.804.327	107.357.711
Chi phí khác	32		-	4.000.000
Kết quả từ các hoạt động khác(40 = 31 - 32)	40		422.804.327	103.357.711
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.528.417.488	42.666.624.475
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		42.528.417.488	42.666.624.475
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.303	3.314

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		42.528.417.488	42.666.624.475
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		29.572.815.508	27.962.649.806
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.147.924.911)	(1.226.736.873)
Chi phí lãi vay	06		5.189.081.617	8.656.086.344
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		76.142.389.702	78.058.623.752
Biến động các khoản phải thu	09		11.985.615.885	9.001.036.912
Biến động hàng tồn kho	10		6.426.000	104.410.000
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.790.177.593	(2.009.647.932)
Biến động chi phí trả trước	12		263.198.674	491.121.371
			92.187.807.854	85.645.544.103
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.998.057.284)	(9.334.743.546)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.124.675.000)	(1.065.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		84.065.075.570	75.245.800.557
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.307.772.850)	(34.071.290.608)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		18.700.000.000	500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		738.843.282	1.133.845.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.131.070.432	(32.437.445.446)



	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	8.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(81.204.453.362)	(57.196.222.222)
Tiền trả cổ tức	36		(12.120.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(93.324.453.362)	(49.196.222.222)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		871.692.640	(6.387.867.111)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		28.563.864.067	34.951.731.178
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	29.435.556.707	28.563.864.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) **Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là xếp dỡ, nâng hạ container, sửa chữa container, đầu tư và cho thuê thiết bị.

(c) **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) **Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 148 nhân viên (1/1/2020: 151 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) **Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) **Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hiện tại, Công ty đang hoạt động trên một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ, và sửa chữa container và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	462.252.750	1.980.671.012
Tiền gửi ngân hàng	7.973.303.957	8.583.193.055
Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	18.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	29.435.556.707	28.563.864.067
	<hr/>	<hr/>

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là các công ty liên quan:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	3.836.809.033	8.302.759.675
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	4.422.453.750	-
Công ty TNHH một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	2.504.471.727	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	102.312.100	551.697.850
Các bên khác		
Công ty TNHH Vận tải biển Liên Hợp	229.116.802	224.978.840
Công ty TNHH Hoi Wah Shipping Agencies (Vietnam)	202.114.646	113.438.452
Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam	-	39.142.256
Các khách hàng khác	218.862.822	151.011.745
	11.516.140.880	9.383.028.818

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu từ công ty mẹ	-	1.043.700.000
Tạm ứng hoạt động	730.256.220	535.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	502.488.900
	730.256.220	2.081.188.900

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	83.050.294.941	3.074.154.669	106.493.520.596	1.195.356.970	193.813.327.176
Tăng trong năm	-	-	9.307.772.850	-	9.307.772.850
Thanh lý	-	-	(30.756.617.383)	-	(30.756.617.383)
Số dư cuối năm	83.050.294.941	3.074.154.669	85.044.676.063	1.195.356.970	172.364.482.643
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	21.689.343.164	1.274.819.475	21.054.784.602	598.858.145	44.617.805.386
Khấu hao trong năm	9.356.731.428	624.725.461	15.584.654.842	247.819.680	25.813.931.411
Thanh lý	-	-	(12.165.699.012)	-	(12.165.699.012)
Số dư cuối năm	31.046.074.592	1.899.544.936	24.473.740.432	846.677.825	58.266.037.785
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	61.360.951.777	1.799.335.194	85.438.735.994	596.498.825	149.195.521.790
Số dư cuối năm	52.004.220.349	1.174.609.733	60.570.935.631	348.679.145	114.098.444.858

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 31.605 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 71 triệu VND).

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.121.382.45
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	690.370.50
Khấu hao trong năm	363.938.79
Số dư cuối năm	1.054.309.30
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	431.011.95
Số dư cuối năm	67.073.15

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước (i) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	127.310.448.750	637.671.206	201.379.785	128.149.499.741
Tăng trong năm	-	516.129.453	71.920.000	588.049.453
Phân bổ trong năm	(3.394.945.300)	(751.030.155)	(176.701.242)	(4.322.676.697)
Số dư cuối năm	123.915.503.450	402.770.504	96.598.543	124.414.872.497

(i) Chi phí thuê lại lô đất CC2 Khu Công nghiệp Minh Phương Đình Vũ theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP ngày 25/1/2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê lại (kể từ ngày hợp đồng được ký ngày 25/1/2017 đến hết ngày 30/6/2057).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là các công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	6.541.529.291	3.040.861.751
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	719.356.033
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	302.682.718
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương	1.300.976.695	385.021.669
Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	1.116.665.000	774.675.000
Công ty TNHH Vật tư Trường Thành	785.837.800	1.076.897.250
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Đạt Phát	808.681.500	435.187.500
Công ty Cổ phần Lốp ô tô Thăng Long	285.120.000	1.217.403.000
Công ty TNHH Hòa Phát	145.684.000	80.080.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Linh Thuận Phát	133.703.100	226.735.700
Công ty Cổ phần Anh Trung	108.413.800	-
Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	-	498.300.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Tuấn Hưng	-	59.400.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Trường Anh	-	71.500.000
Các nhà cung cấp khác	1.740.366.650	1.166.015.327
	12.966.977.836	10.054.115.948

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020	Số phải nộp	Số đã bù trừ	Số đã nộp	31/12/2020
	VND	trong năm	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	20.840.877.240	(18.917.219.019)	-	1.923.658.221
Thuế thu nhập cá nhân	218.311.113	825.748.675	-	(828.798.691)	215.261.097
	218.311.113	21.666.625.915	(18.917.219.019)	(828.798.691)	2.138.919.318

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trích trước lãi vay phải trả	501.624.245	1.310.599.912
- Công ty Cổ phần Container Việt Nam	501.624.245	1.153.710.820
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	156.889.092
Chi phí hoa hồng	1.258.609.000	815.047.200
Trích trước chi phí sửa chữa	2.711.705.000	1.293.405.000
Chi phí phải trả khác	493.306.453	430.432.813
	4.965.244.698	3.849.484.925

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.473.080.000	38.080.000
Trích lập trong năm	2.500.000.000	2.500.000.000
Sử dụng trong năm	(2.124.675.000)	(1.065.000.000)
	1.848.405.000	1.473.080.000

14. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ	VND	7,0%	2022	-	44.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ (i)	VND	7,1%	2023	15.237.037.038	20.777.777.778
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	VND	8,1%	2025	-	31.663.712.622
				15.237.037.038	96.441.490.400
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(5.540.740.740)	(20.207.407.407)
				9.696.296.298	76.234.082.993

(i) Khoản vay công ty mẹ có thời hạn 60 tháng, không có tài sản đảm bảo, gốc và lãi vay được trả hàng quý.

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
--------------------	---------------------------------	------------------------------------	------------------



LOGISTICS

Báo cáo thường niên

GIC

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	121.200.000.00 0	-	40.895.122.402	162.095.122.402
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.666.624.475	42.666.624.475
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 18)	-	38.395.122.402	(38.395.122.402)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	121.200.000.00 0	38.395.122.402	42.666.624.475	202.261.746.877
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.528.417.488	42.528.417.488
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 18)	-	28.046.624.475	(28.046.624.475)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	121.200.000.00 0	66.441.746.877	42.528.417.488	230.170.164.365

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.120.000	121.200.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	12.120.000	121.200.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	12.120.000	121.200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,34%
Các cá nhân khác	4.080.000	33,66%
	12.120.000	100,00%

17. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020 và Thông báo số 06/2020/TB-TH ngày 4 tháng 8 năm 2020, Công ty công bố trả cổ tức bằng tiền là 12.120.000.000 VND (tỷ lệ 10% tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu).

18. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019 vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 28.046.624.475 VND (2019: 38.395.122.402 VND).

19. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	2020	2019
	VND	VND
Dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container	165.944.056.756	156.815.975.935
Dịch vụ sửa chữa container	15.498.607.220	27.909.719.975
Dịch vụ khác	7.626.247.247	16.387.255.678
	189.068.911.223	201.112.951.588
	189.068.911.223	201.112.951.588

20. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí cho hãng tàu	22.252.469.775	5.302.730.441
Chi phí bán hàng khác	1.255.409.526	2.203.336.691
	23.507.879.301	7.506.067.132
	23.507.879.301	7.506.067.132

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.059.999.127	3.362.056.493
Chi phí vật liệu văn phòng	103.844.227	113.016.387
Chi phí khấu hao	218.457.074	221.433.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.962.526	374.878.950
Chi phí bằng tiền khác	292.192.568	514.136.466
	8.132.455.522	4.585.521.632
	8.132.455.522	4.585.521.632

22. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	33.151.974.078	34.702.455.236
Chi phí nhân công	28.415.765.702	36.786.713.579
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.572.815.508	27.962.649.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.491.675.699	34.541.790.472
Chi phí khác	23.880.828.740	15.740.429.549

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp
(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.528.417.488	42.666.624.475
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.252.841.749	4.266.662.448
Chi phí không được khấu trừ thuế	574.032.100	515.942.750
Ưu đãi thuế	(4.826.873.849)	(4.782.605.198)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2017 đến năm 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thông thường là 20%.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, cho năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

(i) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.120.000	12.120.000

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông	42.528.417.488	42.666.624.475
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (*)	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
	<u>40.028.417.488</u>	<u>40.166.624.475</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	12.120.000	12.120.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>3.303</u>	<u>3.314</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa có quyết định về số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020. Cho mục đích tính toán lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, Công ty ước tính số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020 bằng số đã trích lập cho năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy lãi trên cổ phiếu sẽ không bị suy giảm.

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần Container Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ	405.099.699	28.068.815.213
Mua hàng hóa	12.187.235.078	15.273.731.913
Mua dịch vụ	-	274.706.108
Chi phí lãi vay	4.112.412.520	4.909.181.886
Nhận khoản vay dài hạn	-	8.000.000.000
Trả gốc vay	49.540.740.740	11.222.222.222
Trả cổ tức	8.040.000.000	-
Các công ty liên quan –		
Công ty con của công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP</i>		
Cung cấp dịch vụ	64.770.205.919	66.121.638.603
Mua dịch vụ	14.461.147.925	13.933.800.818
<i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh</i>		
Cung cấp dịch vụ	12.419.874.673	660.245.959
Mua dịch vụ	9.414.100.364	2.727.420.727
Thu từ thanh lý tài sản cố định	12.400.000.000	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.908.945.007	9.244.344.373
Mua dịch vụ	1.174.655.500	1.512.353.801
<i>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh</i>		
Cung cấp dịch vụ	24.078.130.000	-
Mua dịch vụ	48.053.948	-
Thanh lý tài sản cố định	6.600.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i>		
Thanh lý tài sản cố định	-	500.000.000
Giám đốc và thành viên khác trong Ban lãnh đạo		
Tiền lương và thưởng	1.109.625.000	1.498.853.407

26. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 27 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Thị Minh Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đông Trung Hải
Giám đốc

* Báo cáo tài chính Công ty năm 2020 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ: www.greenicd.com.vn

